

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

Tháng 3 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Huy	Chủ tịch
Ông Võ Thành Nhân	Phó Chủ tịch
Ông Hồ Việt	Ủy viên
Ông Hồ Chương	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Mai Hà Thanh Hùng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Mai Hoàng Sơn	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Lê Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Trương Tài	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Trần Quốc Duy	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Bích Thủy	Trưởng ban
Ông Huỳnh Kim Ngọc	Thành viên
Bà Vũ Thị Thanh Mai	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Tiêu Văn Hòa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Mai Quý Trung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Võ Thành Nhân	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Triệu Chu Luân	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Võ Thành Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Số: /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Tổng Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016 từ trang 5 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tổng Công ty bao gồm khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung bộ và Tây Nguyên (“MSH”), khoản đầu tư này được hạch toán theo phương pháp giá gốc với giá trị khoản đầu tư và dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 lần lượt là 43.553.937.000 đồng và 18.715.318.824 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: lần lượt là 57.700.000.000 đồng và 14.427.306.283 đồng). Hàng năm Tổng Công ty tính và lập dự phòng cho khoản đầu tư này dựa theo giá trị tài sản thuần của MSH. Tuy nhiên, giá trị tài sản thuần của MSH chưa bao gồm khoản ước tính dự phòng giảm giá của khoản đầu tư với tổng giá trị là 82.500.000.000 đồng mà MSH đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ (“BOT Phú Mỹ”). Việc không ghi nhận khoản chi phí dự phòng ước tính cho khoản đầu tư tại BOT Phú Mỹ nói ở trên vào giá trị tài sản thuần của MSH xuất phát từ quyết định của Ban Tổng Giám đốc ở niên độ trước và đã dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất của niên độ đó. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ thông tin tài chính liên quan đến khoản dự phòng (nếu có) đối với khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng, nếu có, của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Minh Thao

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 1902-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		116.874.107.452	65.733.308.130
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.360.390.461	8.073.236.046
1. Tiền	111	5	9.360.390.461	8.073.236.046
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		85.644.591.607	47.248.108.031
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.682.369.460	4.696.762.847
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.013.126.557	1.186.863.945
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	84.064.354.790	43.866.225.640
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(5.172.901.390)	(2.501.744.401)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		57.642.190	-
III. Hàng tồn kho	140	9	5.025.390.426	2.633.747.735
1. Hàng tồn kho	141		5.105.659.115	2.714.016.424
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(80.268.689)	(80.268.689)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.843.734.958	7.778.216.318
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	10.448.082.002	6.315.397.646
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	11	5.511.479.512	793.520.968
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	884.173.444	669.297.704
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		676.303.545.371	486.920.709.048
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.028.724.652	-
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	12	4.726.080.006	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	6.302.644.646	-
II. Tài sản cố định	220		596.035.656.136	432.671.361.487
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	567.742.012.134	402.237.717.485
- Nguyên giá	222		825.817.151.823	619.661.984.925
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(258.075.139.689)	(217.424.267.440)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	28.293.644.002	30.433.644.002
- Nguyên giá	228		28.293.644.002	30.433.644.002
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		22.732.236.820	3.641.500.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	22.732.236.820	3.641.500.000
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		25.518.618.176	43.272.693.717
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	44.233.937.000	57.700.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17	(18.715.318.824)	(14.427.306.283)
V. Tài sản dài hạn khác	260		20.988.309.587	7.335.153.844
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	10.165.321.899	5.559.482.092
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	556.200.841	153.552.044
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	3.000.000
4. Lợi thế thương mại	269	19	10.266.786.847	1.619.119.708
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		793.177.652.823	552.654.017.178

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		677.638.822.595	435.916.994.695
I. Nợ ngắn hạn	310		299.029.314.048	211.682.396.487
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	24.698.225.636	7.211.265.097
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.203.765.238	2.452.630.469
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	7.419.714.424	7.018.832.228
4. Phải trả người lao động	314		16.366.562.153	11.048.861.827
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	2.762.585.438	3.676.159.336
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	40.915.891.555	33.929.688.917
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	205.479.799.146	145.911.725.755
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		182.770.458	433.232.858
II. Nợ dài hạn	330		378.609.508.547	224.234.598.208
1. Phải trả dài hạn khác	337	23	115.176.585.639	69.260.689.935
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	263.372.099.158	154.973.908.273
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		60.823.750	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		115.538.830.228	116.737.022.483
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	115.538.830.228	116.737.022.483
1. Vốn cổ phần	411		92.792.610.000	92.792.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		289.330.000	289.330.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		229.528.916	229.528.916
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.798.726.438	18.757.022.378
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.617.054.387	5.278.584.401
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.181.672.051	13.478.437.977
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	27	4.428.634.874	4.668.531.189
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		793.177.652.823	552.654.017.178

Dương Trung Tình
 Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
 Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
 Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2015	2014
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		543.478.197.688	459.714.869.053
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		96.965.585	115.706.977
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	29	543.381.232.103	459.599.162.076
4. Giá vốn cung cấp dịch vụ	11	30	449.164.205.896	371.800.128.368
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		94.217.026.207	87.799.033.708
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	2.837.750.946	1.022.170.570
7. Chi phí tài chính	22	33	44.449.950.091	33.830.156.883
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		38.960.431.392	31.941.249.879
8. Chi phí bán hàng	25		24.941.206.314	15.762.134.810
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		37.268.155.966	30.108.424.357
10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(9.604.535.218)	9.120.488.228
11. Thu nhập khác	31		19.108.194.995	12.455.909.282
12. Chi phí khác	32		3.734.665.638	3.294.914.684
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	34	15.373.529.357	9.160.994.598
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.768.994.139	18.281.482.826
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	2.229.867.199	4.322.287.945
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	18	(402.648.797)	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		3.941.775.737	13.959.194.881
Phân phối cho:				
(Lỗ)/Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát	61		(239.896.314)	480.756.904
Lợi nhuận của cổ đông Công ty mẹ	62		4.181.672.051	13.478.437.977
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	339	1.532

Dương Trung Tình
 Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
 Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
 Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số		
		2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	5.768.994.139	18.281.482.826
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	98.361.038.898	75.045.271.293
Các khoản dự phòng	03	6.959.169.530	1.625.295.020
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(12.816.057.972)	(8.239.592.175)
Chi phí lãi vay	06	38.960.431.392	31.941.249.879
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	137.233.575.987	118.653.706.843
Thay đổi các khoản phải thu	09	(16.017.762.127)	(4.738.014.022)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.144.259.065)	495.979.211
Thay đổi các khoản phải trả	11	56.658.043.029	(10.354.731.721)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(5.825.431.433)	(2.899.485.177)
Tiền lãi vay đã trả	14	(39.002.705.752)	(31.806.880.848)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.879.880.860)	(5.345.459.262)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	172.152.852
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.110.390.158)	(423.810.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	123.911.189.621	63.753.456.926
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(227.745.230.536)	(151.780.707.286)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	12.816.057.972	38.221.559.458
3. Tiền thu hồi cho vay công cụ nợ của đơn vị khác	24	306.967.229	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(22.038.077.923)	(12.168.027.829)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	153.441.763	268.920.629
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(236.506.841.495)	(125.458.255.028)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	441.632.112.135	361.420.605.724
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(322.754.718.181)	(294.611.073.548)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.994.587.665)	(3.068.904.810)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	113.882.806.289	63.740.627.366
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	1.287.154.415	2.035.829.264
Tiền đầu năm	60	8.073.236.046	6.037.406.782
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	9.360.390.461	8.073.236.046

Dương Trung Tình
 Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
 Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
 Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tổng Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và mười một công ty con cụ thể được trình bày như sau:

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty mẹ”), tên giao dịch quốc tế là Mai Linh Central Joint Stock Company, viết tắt là “MLC”, tiền thân là Công ty Cổ phần Mai Linh Đà Nẵng được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 2000, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3203000009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Ngày 16 tháng 4 năm 2012, Công ty mẹ đổi tên thành Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi số 0400382219 với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 13 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13 tháng 11 năm 2015.

Công ty mẹ đang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) theo Quyết định số 694/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 29 tháng 9 năm 2010. Mã chứng khoán của Công ty mẹ là “MNC”, bắt đầu giao dịch từ ngày 16 tháng 12 năm 2010.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 92.792.610.000 đồng và Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (viết tắt là “MLG”) là cổ đông chính của Công ty.

Chủ sở hữu của Công ty mẹ và là công ty mẹ của cả tập đoàn là Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (“MLG”).

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.112 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 995).

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty mẹ nhận chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên, Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum và Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai theo Nghị quyết số 14/2014/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Hội Đồng Quản trị với giá chuyển nhượng là 14.000.000.000 đồng.

- Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4400392415 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên tại ngày 09 tháng 01 năm 2007 với vốn điều lệ là 3.600.000.000 đồng.
- Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 6100247925 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum tại ngày 19 tháng 11 năm 2007 với vốn điều lệ là 1.800.000.000 đồng.
- Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 5900338217 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai tại ngày 01 tháng 8 năm 2005 với vốn điều lệ là 6.800.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty nắm giữ 100% vốn sở hữu của Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên, Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum và Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai.

Ngày 02 tháng 11 năm 2015, theo Nghị quyết số 42/BB-HĐQT của Hội đồng Quản trị của Công ty mẹ, Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế (Công ty con) đã nhận chuyển nhượng toàn bộ 100% vốn điều lệ của các thành viên góp vốn tại Công ty TNHH Thành Đô Huế. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Thành Đô Huế là 6.210.000.000 đồng, giá mua là 6.000.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển nhượng vốn góp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất, Công ty mẹ có các chi nhánh và công ty con:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	197 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung - Chi nhánh Du Lịch	92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Đường Quang Trung, TK Diêm Hải, Phường Phú Hải, Thành Phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	Số 169 Lý Thường Kiệt, Phường Đông Lễ, Thị Xã Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	177 Phan Đình Phùng, Phường Phú Nhuận, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	Số 206 Lý Thường Kiệt, Phường Sơn Phong, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	Lô A42 Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	Số 28 - Hà Huy Tập, Phường Nghĩa Chánh, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	Số 33A, Tây Sơn, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	Số 232, Đại lộ Hùng Vương, Phường 9, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	Số 97D, Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	Số 147, Phan Đình Phùng, Phường Quang Trung, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Dịch vụ taxi

Tên công ty con gián tiếp	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
Công ty TNHH Thành Đô Huế	Nam Vĩ Dạ, Phường Vĩ Dạ, Thành phố Huế	Dịch vụ taxi

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi, Công ty mẹ đã đăng ký các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Vận tải hành khách bằng taxi;
- Vận tải khách theo hợp đồng và vận tải khách theo tuyến cố định bằng xe chất lượng cao Express;
- Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Đại lý vé máy bay trong nước và quốc tế;
- Đại lý vé tàu hỏa, tàu cánh ngầm, taxi nước;
- Đại lý bán ô tô, phụ tùng ô tô và các phương tiện vận tải khác;
- Dạy nghề ngắn hạn;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Tư vấn quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế; và
- Sửa chữa đóng mới phương tiện vận tải đường thủy, đường bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tuy nhiên, việc áp dụng các thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thế thương mại

Bất lợi thế thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay dài hạn, phải thu khác và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua các công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế và các chi phí liên quan, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản cố định khác	6 - 20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê: Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê: Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không tiến hành trích khấu hao theo quy định hiện hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng, mua sắm phục vụ mục đích hoạt động, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm giá mua, chi phí lắp đặt, xây dựng, thiết bị, phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm hoặc tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản trả trước dài hạn gồm giá trị công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí trả trước này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu từ dịch vụ taxi và các dịch vụ liên quan được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) - “*Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	2.235.615.979	1.645.944.202
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.124.774.482	6.427.291.844
	<u>9.360.390.461</u>	<u>8.073.236.046</u>

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam	744.216.000	771.862.725
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	4.938.153.460	3.924.900.122
	<u>5.682.369.460</u>	<u>4.696.762.847</u>

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn	84.064.354.790	43.866.225.640
Công ty thành viên trong Tập Đoàn Mai Linh ("MLG")	48.518.440.295	27.262.968.086
Các bên liên quan khác	28.508.979.718	7.893.448.351
Tạm ứng	1.857.447.367	834.282.789
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	307.074.000	417.374.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.872.413.410	7.458.152.414
b. Dài hạn	6.302.644.646	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	171.365.740	-
Các khoản phải thu dài hạn khác (*)	6.131.278.906	-
	<u>90.366.999.436</u>	<u>43.866.225.640</u>

(*) Các khoản phải thu dài hạn khác chủ yếu là các khoản bán xe ô tô trả góp tại Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai (công ty con) với thời hạn từ bốn đến năm năm, lãi suất 15% năm (năm 2014: không phát sinh).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. NỢ XẤU

Dưới đây là dự phòng phải thu khó đòi do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm và các kỳ hoạt động trước:

	<u>VND</u>
Số dư tại ngày 01/01/2014	2.060.776.531
Trích dự phòng trong năm	440.967.870
Số dư tại ngày 31/12/2014	2.501.744.401
Trích dự phòng trong năm	2.671.156.989
Số dư tại ngày 31/12/2015	5.172.901.390

Trong đó:

Đối tượng nợ	Thời gian quá hạn	Tại ngày 31/12/2015		
		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
		<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Năng lượng Mai Linh	Trên 3 năm	3.128.861.729	(3.128.861.729)	-
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	Từ 1 đến trên 3 năm	4.550.591.933	(1.042.380.945)	3.508.210.988
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	Từ 1 đến 2 năm	2.297.818.727	-	2.297.818.727
Các đối tượng khác	Từ 1 đến trên 3 năm	1.026.487.274	(1.001.658.716)	24.828.558
		11.003.759.663	(5.172.901.390)	5.830.858.273

9. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho bao gồm công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế các loại dùng cho việc sửa chữa và bảo dưỡng xe ô tô.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn	10.448.082.002	6.315.397.646
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.106.711.278	516.580.286
Chi phí bảo hiểm	3.479.519.989	3.057.509.649
Chi phí thuê văn phòng, bến bãi	217.161.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.644.689.735	2.741.307.711
b. Dài hạn	10.165.321.899	5.559.482.092
Chi phí sửa chữa tài sản	347.264.225	123.611.021
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.240.456.827	2.618.630.692
Chi phí văn phòng bến bãi	268.598.485	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.309.002.362	2.817.240.379
	20.613.403.901	11.874.879.738

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã cần trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	793.520.968	4.391.244.520	9.109.203.064	5.511.479.512
Thuế và các khoản phải thu nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	662.886.375	430.031.413	645.320.591	878.175.553
Thuế thu nhập cá nhân	6.411.329	2.565.673	2.152.235	5.997.891
Các loại thuế khác	-	7.225.481	7.225.481	-
	669.297.704	439.822.567	654.698.307	884.173.444

12. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Doanh nghiệp tư nhân Tân Bình (*)	3.000.000.000	-
Phải thu về cho vay dài hạn khác	1.726.080.006	-
	4.726.080.006	-

(*) Đây là khoản phải thu do Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình (Công ty con) cho DNTN Tân Bình (công ty liên quan của Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình) vay với số tiền là 3.000.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay số 01/2015/HĐCV ngày 18 tháng 6 năm 2015 với thời hạn 37 tháng, khoản vay không có thể chấp với lãi suất là 1,23%/tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	14.717.633.726	863.319.135	716.166.613	602.575.367.676	789.497.775	619.661.984.925
Tăng trong năm	230.970.800	1.623.155.454	829.400.000	207.597.222.603	-	210.280.748.857
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	50.222.200	47.673.850.615	-	47.724.072.815
Tăng khác (*)	121.652.000	-	227.018.691	83.682.735.144	-	84.031.405.835
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(44.794.174)	(135.783.266.435)	-	(135.828.060.609)
Giảm khác	-	(53.000.000)	-	-	-	(53.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	<u>15.070.256.526</u>	<u>2.433.474.589</u>	<u>1.778.013.330</u>	<u>805.745.909.603</u>	<u>789.497.775</u>	<u>825.817.151.823</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	5.105.366.596	341.059.046	545.312.789	211.081.571.955	350.957.054	217.424.267.440
Khấu hao trong năm	1.070.873.024	98.978.414	154.873.972	95.686.435.472	131.693.986	97.142.854.868
Tăng khác (*)	121.652.000	-	197.018.691	19.799.575.980	-	20.118.246.671
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(44.794.174)	(76.501.298.616)	-	(76.546.092.790)
Giảm khác	-	(53.000.000)	-	(11.136.500)	-	(64.136.500)
Tại ngày 31/12/2015	<u>6.297.891.620</u>	<u>387.037.460</u>	<u>852.411.278</u>	<u>250.055.148.291</u>	<u>482.651.040</u>	<u>258.075.139.689</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	<u>8.772.364.906</u>	<u>2.046.437.129</u>	<u>925.602.052</u>	<u>555.690.761.312</u>	<u>306.846.735</u>	<u>567.742.012.134</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>9.612.267.130</u>	<u>522.260.089</u>	<u>170.853.824</u>	<u>391.493.795.721</u>	<u>438.540.721</u>	<u>402.237.717.485</u>

(*) Khoản tăng khác trong năm thể hiện giá trị tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên, Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum và Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 mà Tổng Công ty nhận về khi lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 và 25, Tổng Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 469.511.693.365 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 391.493.795.721 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của các tài sản cố định là phương tiện vận tải đã cam kết bán cho các bên cá nhân hợp tác kinh doanh khi hợp đồng hợp tác kinh doanh đáo hạn là 74.940.971.201 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 34.757.027.662 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 3.137.073.489 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 804.686.897 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài (không trích khấu hao theo quy định hiện hành) của năm (05) (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: sáu (06)) lô đất khác nhau tại Thành phố Đà Nẵng, Tỉnh Quảng Bình, và Thành phố Tam Kỳ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, Tổng Công ty đã thế chấp các quyền sử dụng đất của mình để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí đầu tư mua sắm xe ô tô tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 nhưng chưa sẵn sàng sử dụng.

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Tỷ lệ sở hữu %	31/12/2015		31/12/2014	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ("MSH")	15,23	43.553.937.000	18.715.318.824	57.700.000.000	14.427.306.283
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	10,00	680.000.000	-	-	-
		44.233.937.000	18.715.318.824	57.700.000.000	14.427.306.283

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty được đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
MSH	Khánh Hòa	15,23	15,23	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa	Đà Nẵng	10	10	Dịch vụ taxi

17. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn thể hiện khoản dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với thông tin chi tiết như sau:

Khoản đầu tư tài chính dài hạn	Tỷ lệ phần sở hữu tại 31/12/2015 %	Vốn CSH theo BCTC VND	Vốn thực góp tại 31/12/2015 VND	Dự phòng tại 31/12/2015 VND
MSH	15,23	145.139.969.823	43.553.937.000	(18.715.318.824)

Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung bộ và Tây Nguyên ("MSH") được hạch toán theo phương pháp giá gốc, hàng năm Tổng Công ty tính và lập dự phòng cho khoản đầu tư này dựa theo giá trị tài sản thuần của MSH. Tuy nhiên, giá trị tài sản thuần của MSH chưa bao gồm khoản ước tính dự phòng giảm giá của khoản đầu tư với tổng giá trị là 82.500.000.000 đồng mà MSH đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ ("BOT Phú Mỹ") do Ban Tổng Giám đốc không thể thu thập được đầy đủ thông tin tài chính liên quan đến khoản đầu tư này tại ngày lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm nay và năm trước:

	Chi phí phải trả VND	Khác VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2013 và 31/12/2014	153.552.044	-	153.552.044
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	(87.642.953)	490.291.750	402.648.797
Tại ngày 31/12/2015	65.909.091	490.291.750	556.200.841

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Lợi thế thương mại VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	5.397.065.694
Tăng trong năm	9.865.851.169
Tại ngày 31/12/2015	15.262.916.863
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	3.777.945.986
Khấu hao trong năm	1.218.184.030
Tại ngày 31/12/2015	4.996.130.016
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	10.266.786.847
Tại ngày 01/01/2015	1.619.119.708

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải trả các bên liên quan (xem Thuyết minh 40)	1.972.248.312	-
Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn	7.878.542.727	
Phải trả người bán ngắn hạn khác	14.847.434.597	7.211.265.097
	24.698.225.636	7.211.265.097

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015 VND	Số tăng trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.369.898.965	35.288.781.234	34.621.016.449	3.037.663.750
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.259.613.689	2.576.060.129	4.879.880.860	955.792.958
Thuế thu nhập cá nhân	301.911.431	4.314.797.502	3.381.964.242	1.234.744.691
Các loại thuế khác	1.087.408.143	11.835.816.867	10.731.711.985	2.191.513.025
	7.018.832.228	54.015.455.732	53.614.573.536	7.419.714.424

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí trích trước tiền lương, thưởng	1.050.253.500	2.168.358.040
Chi phí phải trả lãi vay	420.800.194	463.074.554
Chi phí thuê thương hiệu	-	524.957.098
Chi phí phải trả khác	1.291.531.744	519.769.644
	<u>2.762.585.438</u>	<u>3.676.159.336</u>

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn	40.915.891.555	33.929.688.917
Kinh phí công đoàn	1.214.621.780	993.415.734
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	3.016.095.338	2.664.132.120
Phải trả các công ty thành viên trong Tập đoàn MLG	10.460.507.505	6.395.635.343
Phải trả các bên liên quan khác	7.829.165.495	3.175.492.647
Quỹ hỗ trợ tai nạn, tiếp thị rửa xe	2.990.752.781	2.656.155.438
Thu hộ nhà đầu tư hợp tác xe kinh doanh taxi	3.671.957.527	2.407.252.543
Cổ tức phải trả cho cổ đông	2.494.610.500	2.849.567.665
Phải trả tiền đặt cọc bán xe hợp tác kinh doanh (*)	2.596.665.305	9.072.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.641.515.324	3.715.637.427
b. Dài hạn	115.176.585.639	69.260.689.935
Phải trả tiền đặt cọc bán xe hợp tác kinh doanh (*)	77.647.480.677	39.525.594.963
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (**)	36.478.895.562	29.735.094.972
Phải trả dài hạn khác	1.050.209.400	-
	<u>156.092.477.194</u>	<u>103.190.378.852</u>

(*) Phải trả tiền đặt cọc bán xe hợp tác kinh doanh thể hiện khoản nhận tiền ký quỹ không có lãi suất cho các hợp đồng hợp tác kinh doanh xe taxi của các chủ đầu tư.

(**) Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn thể hiện khoản nhận ký quỹ, ký cược không có lãi suất của nhân viên lái xe đối với Công ty khi ký hợp đồng lao động, các khoản ký quỹ này được áp dụng theo quy định của Công ty đối với từng loại xe và được hoàn trả khi nghỉ việc; và các khoản ký quỹ mở thẻ “Mailinh Customer Club” (“MCC”) của khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2014		Trong năm		31/12/2015	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại	43.899.696.123	43.899.696.123	212.560.446.575	201.938.478.201	54.521.664.497	54.521.664.497
Vay ngắn hạn cá nhân	13.321.820.941	13.321.820.941	32.891.856.520	29.408.689.000	16.804.988.461	16.804.988.461
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	69.568.009.486	69.568.009.486	132.087.227.225	98.258.831.861	103.396.404.850	103.396.404.850
Vay cá nhân dài hạn đến hạn trả	19.122.199.205	19.122.199.205	32.128.965.253	20.494.423.120	30.756.741.338	30.756.741.338
	145.911.725.755	145.911.725.755	409.668.495.573	350.100.422.182	205.479.799.146	205.479.799.146

Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Tổng Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay này (xem các Thuyết minh 13 và 14). Các khoản vay này chịu lãi suất trong khoảng từ 7%/năm đến 12,5%/năm (năm 2014: từ 8,5%/năm đến 10,5%/năm) và có thời hạn vay từ 3 tháng đến 6 tháng được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Vay ngắn hạn cá nhân thể hiện những khoản vay tín chấp có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 0,87%/tháng đến 1%/tháng.

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014		Trong năm		31/12/2015	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	196.447.252.824	196.447.252.824	321.332.863.016	196.272.254.110	321.507.861.730	321.507.861.730
Vay dài hạn cán bộ công nhân viên	47.216.864.140	47.216.864.140	74.327.603.460	45.527.083.984	76.017.383.616	76.017.383.616
	243.664.116.964	243.664.116.964	395.660.466.476	241.799.338.094	397.525.245.346	397.525.245.346
Trong đó:						
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	88.690.208.691				134.153.146.188	
- Số phải trả sau 12 tháng	154.973.908.273				263.372.099.158	

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Vay dài hạn từ các ngân hàng thương mại thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam cho mục đích thanh toán các khoản đầu tư mua mới xe ô tô cho dịch vụ kinh doanh taxi. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các phương tiện vận tải của Tổng Công ty hình thành từ vốn vay (xem thêm Thuyết minh 13 và 25) và có thời hạn vay từ 48 tháng cho tới 96 tháng với lãi suất trong khoảng từ 9%/năm đến 12.5%/năm (2014: 9,3%/năm đến 12%/năm).

Vay dài hạn cán bộ công nhân viên là các khoản vay thông qua hình thức đầu tư hợp tác kinh doanh với thời hạn cho vay từ 36 tháng đến 60 tháng với lãi suất mỗi tháng từ 0,83% đến 1,45%.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	134.153.146.188	88.690.208.691
Trong năm thứ hai	104.652.752.353	62.067.712.181
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	156.286.296.805	86.934.071.092
Sau năm năm	2.433.050.000	5.972.125.000
	397.525.245.346	243.664.116.964
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(134.153.146.188)	(88.690.208.691)
Số phải trả sau 12 tháng	263.372.099.158	154.973.908.273

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần <u>VND</u>	Thặng dư vốn cổ phần <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <u>VND</u>	Lợi ích cổ đông không kiểm soát <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Số dư tại 01/01/2014	80.693.070.000	289.330.000	229.528.916	23.435.169.151	4.187.774.285	108.834.872.352
Tăng vốn trong năm	12.099.540.000	-	-	(12.099.540.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	13.478.437.977	480.756.904	13.959.194.881
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(4.034.653.500)	-	(4.034.653.500)
Tặng khác	-	-	-	1.419.700	-	1.419.700
Trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(1.600.000.000)	-	(1.600.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(423.810.950)	-	(423.810.950)
Số dư tại 31/12/2014	92.792.610.000	289.330.000	229.528.916	18.757.022.378	4.668.531.189	116.737.022.483
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.181.672.051	(239.896.314)	3.941.775.737
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(4.639.630.500)	-	(4.639.630.500)
Trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(800.000.000)	-	(800.000.000)
Tặng khác	-	-	-	299.662.508	-	299.662.508
Số dư tại 31/12/2015	92.792.610.000	289.330.000	229.528.916	17.798.726.437	4.428.634.875	115.538.830.228

(*) Điều chỉnh số liệu đầu kỳ theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ, Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An và Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 18 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty mẹ công bố trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 800.000.000 đồng (năm 2014: 1.600.000.000 đồng) và mức chia cổ tức bằng tiền cho lợi nhuận chưa phân phối của năm 2014 là 500 đồng trên 1 cổ phiếu tương đương 4.639.630.500 đồng. Công ty mẹ đã thực hiện việc chi trả cổ tức này trong năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cổ phần

	31/12/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.279.261	9.279.261
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.279.261	9.279.261
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.279.261	9.279.261
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.279.261	9.279.261
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Mệnh giá đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

Vốn cổ phần

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn cổ phần của Công ty mẹ là 92.792.610.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 92.792.610.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn cổ phần đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Tại ngày 31/12/2015			Tại ngày 31/12/2014		
	<u>Cổ phần</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>Cổ phần</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>
MLG	4.434.781	47,79%	44.347.810.000	4.434.781	47,79%	44.347.810.000
Ông Hồ Huy	1.174.380	12,66%	11.743.800.000	1.174.380	12,66%	11.743.800.000
Các Cổ đông khác	3.670.100	39,55%	36.701.000.000	3.670.100	39,55%	36.701.000.000
	9.279.261	100%	92.792.610.000	9.279.261	100%	92.792.610.000

27. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định như sau:

Error! Not a valid link.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	69.922.472.580	62.932.020.770
Tổng nợ phải trả	52.207.933.086	44.257.896.015
Tài sản thuần	17.714.539.494	18.674.124.755
<i>Trong đó:</i>		
Vốn cổ phần	16.800.000.000	16.800.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	914.539.494	1.874.124.755
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	4.428.634.874	4.668.531.189
<i>Trong đó:</i>		
Vốn cổ phần	4.200.000.000	4.200.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	228.634.874	468.531.189

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	<u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các công ty con	914.539.494
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của cổ đông không kiểm soát	228.634.874

Thay đổi của lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	Lợi nhuận sau thuế		Tổng <u>VND</u>
	Vốn điều lệ <u>VND</u>	chưa phân phối <u>VND</u>	
Số dư tại ngày 01/01/2014	4.200.000.000	(832.930.524)	3.367.069.476
Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	-	1.301.461.713	1.301.461.713
Số dư tại ngày 31/12/2014	4.200.000.000	468.531.189	4.668.531.189
Lỗ của cổ đông không kiểm soát	-	(239.896.315)	(239.896.315)
Số dư tại ngày 31/12/2015	4.200.000.000	228.634.874	4.428.634.874

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Nhằm phục vụ cho mục đích quản lý, Tổng Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh				Cộng	Loại trừ	Hợp nhất
	Doanh thu dịch vụ taxi	Doanh thu cho thuê tài sản, quản lý xe thương quyền, sửa chữa, kinh doanh xăng dầu	Doanh thu vận tải hành khách, xe buýt, vận chuyển du lịch	Doanh thu bán vật tư, phụ tùng và dịch vụ khác			
Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015							
Doanh thu							
Khách hàng bên ngoài	438.563	48.856	44.757	11.205	543.381	-	543.381
Giữa các bộ phận	4.697	1.854	3.922	2.683	13.156	13.156	-
Tổng cộng	443.260	50.710	48.679	13.888	556.537	13.156	543.381
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Giá vốn của bộ phận	367.732	24.180	45.014	12.238	449.164	-	449.164
Lợi nhuận gộp của bộ phận	70.831	24.676	(257)	(1.033)	94.217	-	94.217
Chi phí không phân bổ							(62.210)
Thu nhập tài chính							2.838
Chi phí tài chính							(44.450)
Lợi nhuận khác							15.374
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(2.230)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							403
Lợi nhuận sau thuế							3.942

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo**Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh				Cộng	Loại trừ	Hợp nhất
	Doanh thu dịch vụ taxi	Doanh thu cho thuê tài sản, quản lý xe thương quyền, sửa chữa, kinh doanh xăng dầu	Doanh thu vận tải hành khách, xe buýt, vận chuyển du lịch	Doanh thu bán vật tư, phụ tùng và dịch vụ khác			
Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014							
Doanh thu							
Khách hàng bên ngoài	363.912	40.311	49.633	5.744	459.600	-	459.600
Giữa các bộ phận	8.861	268	-	231	9.360	9.360	-
Tổng cộng	372.773	40.579	49.633	5.975	468.960	9.360	459.600
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Giá vốn của bộ phận	305.992	15.545	43.586	6.678	371.801	-	371.801
Lợi nhuận gộp của bộ phận	57.920	24.766	6.047	(934)	87.799	-	87.799
Chi phí không phân bổ							(45.871)
Thu nhập tài chính							1.022
Chi phí tài chính							(33.830)
Lợi nhuận khác							9.161
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(4.322)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							-
Lợi nhuận sau thuế							13.959

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các thông tin khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh				Cộng	Loại trừ	Hợp nhất
	Doanh thu dịch vụ taxi	Doanh thu cho thuê tài sản, quản lý xe thương quyền, sửa chữa, kinh doanh xăng dầu	Doanh thu vận tải hành khách, xe buýt, vận chuyển du lịch	Doanh thu bán vật tư, phụ tùng và dịch vụ khác			
Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015							
Tài sản của bộ phận phân bổ	614.032	68.403	62.664	15.688	760.788	-	760.788
Tài sản không phân bổ							32.390
Tổng tài sản hợp nhất							793.178
Nợ phải trả của bộ phận phân bổ	168.512	18.772	17.197	4.305	208.786	-	208.787
Nợ phải trả không phân bổ							468.852
Tổng nợ phải trả hợp nhất							677.639
Chi phí mua sắm tài sản	183.813	20.477	18.759	4.696	227.745		227.745
Chi phí khấu hao	79.387	8.844	8.102	2.028	98.361		98.361

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo**Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh				Cộng	Loại trừ	Hợp nhất
	Doanh thu dịch vụ taxi	Doanh thu cho thuê tài sản, quản lý xe thương quyền, sửa chữa, kinh doanh xăng dầu	Doanh thu vận tải hành khách, xe buýt, vận chuyển du lịch	Doanh thu bán vật tư, phụ tùng và dịch vụ khác			
Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014							
Tài sản của bộ phận phân bổ	395.718	43.834	53.971	6.246	499.769	-	499.769
Tài sản không phân bổ							52.885
Tổng tài sản hợp nhất							<u>552.654</u>
Nợ phải trả của bộ phận phân bổ	106.917,76	11.843	14.582	1.688	135.031	-	135.031
Nợ phải trả không phân bổ							300.886
Tổng nợ phải trả hợp nhất							<u>435.917</u>
Chi phí mua sắm tài sản	120.180	13.313	16.391	1.897	151.781		151.781
Chi phí khấu hao	59.421	6.582	8.104	938	75.045		75.045

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty, những thông tin dưới đây còn trình bày theo khu vực địa lý.

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Đà Nẵng	Tam Kỳ	Quảng Trị	Hội An	Huế	Quảng Ngãi	Quảng Bình	Bình Định	Phú Yên	Gia Lai	Kon Tum	Loại trừ	Hợp nhất
Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015													
Doanh thu													
Từ khách hàng bên ngoài	167.894	24.519	16.503	38.310	61.062	108.603	39.675	37.911	7.697	18.374	22.833		543.381
Giữa các bộ phận	7.739	630	-	-	101	3.923	-	-	762	-	-	12.393	-
Tổng cộng	175.633	25.149	16.503	38.310	61.163	112.526	39.675	37.911	8.459	18.374	22.833	12.393	543.381
Tài sản của bộ phận	233.495	39.077	13.947	55.090	91.864	108.366	69.922	63.132	28.708	33.696	25.792		763.089
Tăng/(giảm) tài sản cố định	50.002	5.737	(3.836)	10.414	27.284	17.313	(5.106)	(5.593)	6.272	(1.913)	1.910	-	102.484
Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014													
Doanh thu													
Từ khách hàng bên ngoài	157.181	19.501	16.354	31.497	62.449	91.632	42.001	38.984	-	-	-		459.599
Giữa các bộ phận	1.658	870	344	6	1.520	4.961	-	-	-	-	-	9.359	-
Tổng cộng	158.839	20.371	16.698	31.503	63.969	96.593	42.001	38.984	-	-	-	9.359	459.599
Tài sản của bộ phận	154.682	35.128	17.256	39.564	50.335	84.889	62.920	57.443	-	-	-		502.217
Tăng/(giảm) tài sản cố định	13.532	8.285	(2.894)	2.091	6.743	9.686	14.711	4.885	-	-	-	-	52.154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ	543.478.197.688	459.714.869.053
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu dịch vụ taxi	438.659.797.867	364.028.373.013
Doanh thu dịch vụ xe buýt	34.396.815.000	37.183.381.000
Doanh thu dịch vụ cho thuê xe	13.407.028.703	17.299.630.521
Doanh thu dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa	7.753.316.524	5.883.626.523
Doanh thu dịch vụ vận tải hành khách đường bộ, vận chuyển du lịch	10.360.236.084	12.449.786.107
Doanh thu cho thuê và quản lý xe thương quyền	27.696.041.672	17.128.125.254
Doanh thu từ hoạt động cho thuê thương hiệu Mai Linh	2.940.633.182	-
Doanh thu các dịch vụ khác	8.264.328.656	5.741.946.635
Các khoản giảm từ doanh thu	(96.965.585)	(115.706.977)
Chiết khấu thương mại	(96.965.585)	(115.706.977)
	<u>543.381.232.103</u>	<u>459.599.162.076</u>

30. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn dịch vụ taxi	367.732.126.690	305.991.793.105
Giá vốn dịch vụ xe buýt	33.599.808.699	33.136.319.679
Giá vốn dịch vụ cho thuê xe	9.583.727.845	8.098.322.725
Giá vốn dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa	7.100.925.703	2.877.806.993
Giá vốn dịch vụ vận tải hành khách đường bộ, vận chuyển du lịch	11.414.498.251	10.449.274.416
Giá vốn cho thuê và quản lý xe thương quyền	7.495.793.132	4.568.879.169
Giá vốn các dịch vụ khác	12.237.325.576	6.677.732.281
	<u>449.164.205.896</u>	<u>371.800.128.368</u>

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	136.376.582.478	114.800.043.450
Chi phí nhân công	202.319.505.333	135.653.316.172
Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.361.038.898	75.045.271.293
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.771.949.653	55.774.833.520
Chi phí khác	21.873.334.825	35.956.255.230
Dự phòng phải thu khó đòi	2.671.156.989	440.967.870
	<u>511.373.568.176</u>	<u>417.670.687.535</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	153.441.763	268.920.629
Lãi bán hàng trả chậm, trả góp	1.214.945.397	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.469.363.786	753.249.941
	<u>2.837.750.946</u>	<u>1.022.170.570</u>

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	38.960.431.392	31.941.249.879
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn, dài hạn	4.288.012.541	1.625.295.020
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.201.506.158	263.611.984
	<u>44.449.950.091</u>	<u>33.830.156.883</u>

34. LỢI NHUẬN KHÁC

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu tiền phạt, tiền bồi thường	283.258.245	390.651.574
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	12.816.057.972	7.467.467.721
Thu nhập từ kinh phí hỗ trợ cho hoạt động xe buýt	2.548.248.829	2.959.010.224
Khác	3.460.629.949	1.638.779.763
Thu nhập khác	<u>19.108.194.995</u>	<u>12.455.909.282</u>
Tiền phạt, tiền bồi thường		
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý nhượng bán	-	515.826.595
Thuế bị truy thu, phạt chậm nộp	392.400.262	-
Khác	3.342.265.376	2.779.088.089
Chi phí khác	<u>3.734.665.638</u>	<u>3.294.914.684</u>
Lợi nhuận khác	<u>15.373.529.357</u>	<u>9.160.994.598</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	5.768.994.139	18.281.482.826
Điều chỉnh liên quan đến hợp nhất	12.501.237.679	13.612.697.546
Lỗi trong năm của các công ty thành viên MLC	(4.089.780.883)	-
Lợi nhuận trước thuế (số tổng hợp)	<u>14.180.450.935</u>	<u>31.894.180.372</u>
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(9.000.000.000)</i>	<i>(12.900.000.000)</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>1.578.620.459</i>	<i>1.842.173.476</i>
Chuyển lỗ	-	<i>(1.077.175.518)</i>
Thu nhập chịu thuế	<u>6.759.071.394</u>	<u>19.759.178.330</u>
Trong đó, thu nhập chịu thuế với thuế suất:		
- 20%	31.984.268	1.236.565.409
- 22%	6.727.087.126	18.522.613.013
Chi phí thuế trước điều chỉnh	<u>1.486.356.021</u>	<u>4.322.287.945</u>
Bổ sung thuế theo Quyết toán thuế 2013	743.511.178	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>2.229.867.199</u>	<u>4.322.287.945</u>

Công ty mẹ và các Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông 20% và 22% trên thu nhập chịu thuế (năm 2014: 20% và 22%).

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.181.672.051	13.478.437.977
<i>Trừ: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>800.000.000</i>	<i>1.600.000.000</i>
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông	3.381.672.051	11.878.437.977
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành (Cổ phiếu)	9.279.261	8.069.307
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/Cổ phiếu)	<u>364</u>	<u>1.472</u>

37. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>6.754.811.089</u>	<u>6.047.793.048</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	2.289.672.727	5.050.818.182
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.971.022.727	-
	<u>4.260.695.454</u>	<u>5.050.818.182</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty chưa hoàn tất giao dịch sau đây:

- Công ty mẹ ký hợp đồng số 1359/1115/48.4 ngày 14 tháng 10 năm 2015 cam kết mua phương tiện vận tải với Công ty Cổ phần Phú Tài - Xí nghiệp Toyota Đà Nẵng với giá trị là 16.261.400.000 đồng.
- Trong tháng 6 năm 2015, Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình ký hợp đồng cam kết mua 10 chiếc xe ô tô với Công ty TNN MTV PP Ô Tô DL Chu Lai Trường Hải với tổng giá trị là 3.009.090.909 đồng.

39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 và 25 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và lợi ích cổ đông không kiểm soát).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	468.851.898.304	300.885.634.028
Trừ: Tiền	(9.360.390.461)	(8.073.236.046)
Nợ thuần	459.491.507.843	292.812.397.982
Vốn chủ sở hữu	115.538.830.228	116.737.022.483
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>3,98</u>	<u>2,51</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền	9.360.390.461	8.073.236.046
Phải thu khách hàng, phải thu khác	87.889.276.883	47.728.705.698
Phải thu về cho vay	4.726.080.006	-
Các khoản đầu tư dài hạn khác	680.000.000	-
	<u>102.655.747.350</u>	<u>55.801.941.744</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	468.851.898.304	300.885.634.028
Phải trả người bán và phải trả khác	144.311.807.268	80.666.548.977
Chi phí phải trả	2.762.585.438	3.676.159.336
	<u>615.926.291.010</u>	<u>385.228.342.341</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Độ nhạy của lãi suất

	Tăng/(giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nuận trước thuế <u>VND</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015		
VND	200	(9.377.037.966)
VND	(200)	9.377.037.966
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
VND	200	(6.017.712.681)
VND	(200)	6.017.712.681

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 - 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
31/12/2015			
Tiền	9.360.390.461	-	9.360.390.461
Phải thu khách hàng, phải thu khác	81.586.632.237	6.302.644.646	87.889.276.883
Phải thu về cho vay	4.726.080.006	-	4.726.080.006
Các khoản đầu tư dài hạn khác	680.000.000	-	680.000.000
	96.353.102.704	6.302.644.646	102.655.747.350
Các khoản vay	205.479.799.146	263.372.099.158	468.851.898.304
Phải trả người bán và phải trả khác	65.614.117.191	78.697.690.077	144.311.807.268
Chi phí phải trả	2.762.585.438	-	2.762.585.438
	273.856.501.775	342.069.789.235	615.926.291.010
Chênh lệch thanh khoản thuần	(177.503.399.071)	(335.767.144.589)	(513.270.543.660)

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 - 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
31/12/2014			
Tiền	8.073.236.046	-	8.073.236.046
Phải thu khách hàng, phải thu khác	47.728.705.698	-	47.728.705.698
	55.801.941.744	-	55.801.941.744
Các khoản vay	145.911.725.755	154.973.908.273	300.885.634.028
Phải trả người bán và phải trả khác	41.140.954.014	39.525.594.963	80.666.548.977
Chi phí phải trả	3.676.159.336	-	3.676.159.336
	190.728.839.105	194.499.503.236	385.228.342.341
Chênh lệch thanh khoản thuần	(134.926.897.361)	(194.499.503.236)	(329.426.400.597)

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng với sự cam kết tái cấu trúc, cũng như nguồn tiền từ hoạt động taxi hàng ngày và từ các khoản vay, Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk
 Công ty TNHH Mai Linh Đông Nam Bộ
 Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh
 Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam
 Công ty TNHH Vận Chuyển Hàng Hóa Mai Linh

Chủ sở hữu
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH Nước Khoáng Mai Linh	Công ty thành viên trong MLG
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Nông	Công ty thành viên trong MLG
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang	Công ty thành viên trong MLG
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH MTV Sao Mai Ninh Thuận	Công ty thành viên trong MLG
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và In bao bì Năng Động	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Mai Linh	Công ty liên quan
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh	Công ty liên quan
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Linh	Công ty liên quan
Chi nhánh Trung Tâm xe cho thuê Mai Linh	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	Công ty liên quan
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông Mai Linh	Công ty liên quan
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	Công ty liên quan
Doanh nghiệp Tư nhân Tân Bình	Công ty liên quan
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Sao Mai	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	Công ty liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng		
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	33.488.004.445	23.313.216.817
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	171.818.181	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	-	671.818.181
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	47.881.818	63.636.363
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang	9.090.909	13.636.364
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	106.240.000	7.725.454
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Nông	4.545.455	13.636.364
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	6.222.728	-
	<u>33.833.803.536</u>	<u>24.083.669.543</u>
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh	3.090.909	172.067.955
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	75.921.926	1.276.160.889
Mai Linh Bắc Trung Bộ	340.599.120	-
Ông Trần Phước Bảy	34.453.636	-
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	-	2.729.090
Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Mai Linh	-	54.639.850
	<u>454.065.591</u>	<u>1.450.957.934</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua hàng		
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	24.965.472.212	21.540.275.500
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	2.128.000	8.988.000
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Sao Mai	197.534.550	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	2.590.000	111.241.240
	<u>25.167.724.762</u>	<u>21.660.504.740</u>
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hồ Huy	1.489.730.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	1.681.818.180	4.900.000
Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh	1.994.358.290	711.527.182
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh	222.380.000	217.800.000
Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và In bao bì Năng Động	244.801.251	72.052.507
Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Mai Linh	46.092.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	53.810.000	65.203.540
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	292.000.000	62.202.040
Công ty TNHH MTV Thương mại Mai Linh	31.546.152	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh	250.166.513	-
	<u>6.306.702.386</u>	<u>1.133.685.269</u>
Mua tài sản cố định		
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	-	11.181.818.175
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	2.610.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	1.970.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	829.400.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Mai Linh	19.158.181.825	-
	<u>5.409.400.000</u>	<u>11.181.818.175</u>
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương	1.019.700.000	856.882.792
Các khoản phúc lợi khác	250.000.000	73.218.250
	<u>1.269.700.000</u>	<u>930.101.042</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khác		
Các bên liên quan khác		
Công Ty TNHH MTV Đầu tư- Hồ Huy	11.102.500	-
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông Mai Linh	4.363.747	4.363.747
Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh	3.128.861.729	3.128.861.729
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	4.550.591.933	4.359.987.633
Công ty Cổ phần Taxi Mai Linh	50.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nha Trang - Chi nhánh Kon Tum	145.870.123	-
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	90.751.444	400.235.242
Công ty Cổ phần Vận tải hành khách Taxi 30	150.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Mai Linh	403.906.500	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Bình Định	3.035.742	-
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	19.970.496.000	-
	<u>28.508.979.718</u>	<u>7.893.448.351</u>
Phải trả khác		
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	885.426.772	104.938.998
Công ty TNHH Mai Linh Lâm Đồng	493.925	-
Công ty TNHH Mai Linh Đông Nam Bộ	1.360.000	1.360.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	26.413.675	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	34.427.240	30.616.240
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	9.301.950.525	3.258.550.105
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đăk Nông	11.544.131	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đăk Lắk	170.000	170.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	-	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Champasak	198.721.237	-
	<u>10.460.507.505</u>	<u>6.395.635.343</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các bên liên quan khác		
Chi nhánh Trung Tâm xe cho thuê Mai Linh	2.000.000	2.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	89.130.800	90.650.400
Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh	545.302.665	236.832.950
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh	20.405.000	39.930.000
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	101.200.000	7.100.000
Công ty TNHH Mai Linh Tây Nam Bộ	4.053.280	-
Công ty TNHH Vận Chuyển Hàng Hóa Mai Linh	4.017.514	4.182.514
Công ty Cổ phần Sản Xuất MTC	34.160.413	-
Công Ty TNHH TM - DV Mai Linh	7.480.000	-
Công ty TNHH Sài Gòn Taxi	1.895.960	-
Công ty TNHH Nước Khoáng Mai Linh	-	641
Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và In bao bì Năng Động	88.942.742	65.004.742
Công ty TNHH địa ốc Mai Linh	19.129.503	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Mai Linh	5.848.500.000	2.720.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	22.319.000	9.791.400
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hồ Huy	940.583.750	-
Công ty Cổ phần Vận Tải Hàng Không Mai Linh	52.044.868	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Sao Mai	48.000.000	-
	<u>7.829.165.495</u>	<u>3.175.492.647</u>
Phải thu về cho vay dài hạn		
Doanh nghiệp Tư nhân Tân Bình	3.000.000.000	-
	<u>3.000.000.000</u>	<u>-</u>
Phải trả người bán		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	596.664.562	-
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	435.000.000	-
	<u>1.031.664.562</u>	<u>-</u>

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Phải thu ngắn hạn khác	42.614.568.851	1.251.656.789	43.866.225.640
Tài sản ngắn hạn khác	1.251.656.789	(1.251.656.789)	-
Phải trả ngắn hạn khác	24.857.288.917	9.072.400.000	33.929.688.917
Phải trả dài hạn khác	78.333.089.935	(9.072.400.000)	69.260.689.935
	<u>78.333.089.935</u>	<u>(9.072.400.000)</u>	<u>69.260.689.935</u>

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Thu nhập khác	43.366.364.655	(30.910.455.373)	12.455.909.282
Chi phí khác	34.205.370.057	(30.910.455.373)	3.294.914.684
	<u>43.366.364.655</u>	<u>(30.910.455.373)</u>	<u>12.455.909.282</u>

Dương Trung Tình
 Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
 Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
 Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 3 năm 2016